

Bản án số: 58/2019/HS-ST

Ngày: 14-08-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Duy Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 08 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 07 năm 2019 theo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 07 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T1 - Sinh ngày: 20/9/1978; Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Trần Văn T (Đã chết) và con bà: Đậu Thị T (Đã chết); Có vợ: Lê Thị T - Sinh năm 1979; Có 06 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T2 - Sinh ngày: 20/10/1969; Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hóa: 0/12; Con ông: Trần Văn T (Đã chết) và con bà: Đậu Thị T (Đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T - Sinh năm 1969; Có 4 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa;

3. Trần Văn M - Sinh ngày: 12/7/1974; Nơi ĐKKHKT: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Trần Văn T (Đã chết) và con bà: Đậu Thị T (Đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị H - Sinh năm 1974; Có 4 con, lớn nhất sinh năm

1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa;

** Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Bà Mai Thùy L - Là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Bào chữa cho bị cáo Trần Văn T2 (có mặt);

2. Ông Lê Khắc H - Là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Bào chữa cho bị cáo Trần Văn M và Trần Văn T1 (có mặt);

** Người bị hại:* Anh Trần Văn L – Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

** Người có quyền lợi liên quan:*

1. Anh Hồ Văn H – Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Trần Văn T – Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/02/2019, Trần Văn T2, Trần Văn M, Trần Văn T1 (là anh em ruột với nhau và làm nghề đi biển đánh cá) cùng cháu Trần Văn N sinh năm 2002 (con trai T) mượn thuyền đánh cá của anh Hồ Văn H sinh năm 1975 ở thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đi đánh cá tại khu vực đảo M thuộc xã H, huyện T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, cả nhóm dừng thuyền ăn cơm và neo đậu gần Hòn B (thuộc đảo M). Lúc này, T dùng đèn pin soi vào trong bờ Hòn B thì thấy một con dê của anh Trần Văn L sinh năm 1972 ở thôn T, xã N, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa chăn thả trên đảo, đang đứng gần bờ biển không có ai trông coi. T nảy sinh ý định trộm cắp con dê nên nói với T2 và M “ta bắt con dê mang về làm thịt, mai trời bão gió ở nhà ăn” thì T2 và M đồng ý. Cả ba lấy thuyền thúng trên thuyền rồi chèo vào bờ Hòn B. Tại đây, T cầm đèn pin soi dê, T2 đi bắt dê, M dùng dây trói con dê lại rồi cả ba khiêng con dê xuống thuyền thúng và chèo ra thuyền. Sau khi ra thuyền, cả ba cho dê vào khoang thuyền và tiếp tục đi đánh cá. Đến khoảng giờ 50 phút cùng ngày, cả ba quay thuyền đi vào bờ, T có gọi điện cho Trần Văn T sinh năm 1996 (con trai T2) nói ra chở đồ tại khu vực cầu giáp danh giữa xã N và xã H, Tiến đồng ý và đi xe máy ra chờ. Khi vào đến gần cầu, T2 và M cho dê xuống thuyền thúng và chèo vào bờ. Sau khi lên bờ, T2 và M khiêng con dê lên xe định chở về nhà thì bị anh Trần Văn L và một số người hào bắt giữ. T2, M, Tiến sợ quá bỏ dê và xe lại chạy xuống thuyền lẫn trốn. Sau đó, các đối tượng được Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia triệu tập về làm

việc, và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu điều tra Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KLDGTS ngày 15/3/2019 của Hội đồng định giá UBND huyện Tĩnh Gia, kết luận: 01 con dê màu lông đen trắng, giống đực, trọng lượng 35kg có trị giá 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về dân sự và vật chứng của vụ án:

- Đối với con dê là tài sản các đối tượng trộm cắp, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại con dê cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn L. Anh L không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Đối với chiếc thuyền máy bằng gỗ sơn màu xanh, đỏ, vàng, là chiếc thuyền các đối tượng mượn để sử dụng đi đánh cá, sau đó dùng để vận chuyển tài sản trộm cắp. Quá trình điều tra xác định là của chủ sở hữu anh Hồ Văn H. Việc các đối tượng sử dụng thuyền của anh Hùng thực hiện hành vi trộm cắp anh Hùng không biết, không đồng ý. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu bằng hình thức trả lại cho anh Hùng.

- Đối với chiếc mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu vàng đen, biển kiểm soát 36C1:03247. Quá trình điều tra xác định việc Trần Văn T sử dụng chiếc xe trên chỗ con dê trộm cắp, tuy nhiên, Tiến không biết đó là tài sản trộm cắp. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Văn T.

Bản cáo trạng số 67/CTr-VKS-HS ngày 03/07/2019 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với các bị cáo cụ thể như sau:

+ Trần Văn T1 từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Trần Văn T2 từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Trần Văn M từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của bà Mai Thùy L và ông Lê Khắc H trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 đề nghị HĐXX xem xét cụ thể:

- Các bị cáo đều có nhân thân tốt, từ trước cho đến nay chưa từng vi phạm gì. Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; xét về thực tế thì người bị hại cũng chưa xảy ra thiệt hại. Do đó xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 xét xử các bị cáo với mức hình phạt thấp của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Về vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo là người có đủ năng lực về mọi mặt để nhận thức được "Trộm cắp tài sản" là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song, do nhìn thấy đàn dê của Anh L thả không có ai trông coi nên đã nảy sinh ý

định bắt trộm dê về để làm thịt. Con dê mà các bị cáo trộm cắp được định giá là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), nên các bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa các bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết nên cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, hành vi của các bị cáo có sự bàn bạc chặt chẽ với nhau. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo và khi quyết định hình phạt phải xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo phù hợp với pháp luật.

- Trần Văn T1 là người khởi xướng, rủ T2 và M thực hiện việc trộm cắp; là người soi đèn Pin cho T2 và M bắt dê và cũng là người gọi cho Trần Văn T đem xe máy ra để chở dê về. Do đó T có vai trò thứ nhất nên phải chịu mức hình phạt cao nhất;

- Trần Văn T2 và Trần Văn M là người trực tiếp thực hiện hành vi bắt dê và trói dê nên các bị cáo có vai trò bằng nhau nên mức hình phạt bằng nhau và thấp hơn so với T.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- Tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, với nhân thân của các bị cáo như trên, cả 3 bị cáo đều là những người dân lao động, không biết chữ nên hiểu biết về pháp luật còn hạn chế; Hơn nữa tuy các bị cáo đã bắt được dê nhưng khi đang kiêng lên xe để mang về nhà thì đã bị phát hiện và bắt quả tang nên chưa có hậu quả xảy ra. Căn cứ vào pháp luật hình sự xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe và giáo dục đối với các bị cáo và cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

+ Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho anh Trần Văn L một con dê là tài sản các đối tượng trộm cắp, Anh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét.

+ Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại chiếc thuyền máy bằng gỗ sơn màu xanh, đỏ, vàng cho anh Hồ Văn H và một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu vàng đen, biển kiểm soát 36C1-03247 cho chủ sở hữu là anh Trần Văn T. Cả anh H và anh T đều nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2 và Trần Văn M.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2 và Trần Văn M và đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Trần Văn T1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Văn T2 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Văn M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nơi các bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Trần Văn T2, Trần Văn M và Trần Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa và bị hại, vắng mặt người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Biên Nguyễn Quang Học

Lê Thị Hạnh